

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 3

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Hỗn số $2\frac{17}{1000}$ chuyển thành số thập phân là:

- A. 20, 17 B. 2,17 C. 2,170 D. 2,017

Câu 2. Kết quả của biểu thức $1\frac{1}{2} + 1\frac{1}{3}$ là:

- A. $\frac{7}{5}$ B. $\frac{17}{6}$ C. $\frac{4}{3}$ D. $\frac{3}{2}$

Câu 3. Lớp 5A có 12 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Tỷ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh nam là:

- A. 40% B. 75% C. 60% D. 35%

Câu 4. Với $a = 0,01$ thì $20,18 : a = ?$

- A. 2,018 B. 2018 C. 0,2018 D. 201,8

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $5,6\dots1 > 5,689$ là:

- A. 9 B. 7 C. 1 D. 0

Câu 6. Mua 4 m vải phải trả 320 000 đồng. Hỏi mua 6,8 m vải cùng loại phải trả nhiều hơn bao nhiêu tiền?

- A. 80 000 đồng B. 224 000 đồng C. 544 000 đồng D. 2 176 000 đồng

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $1,95 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b) $5 \text{ tấn } 6 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

c) $102\text{m}^2 \text{ } 4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

d) $231 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

Câu 2. Tìm x biết:

a) $0,25 \times x = 12,65 - 3\frac{1}{4}$

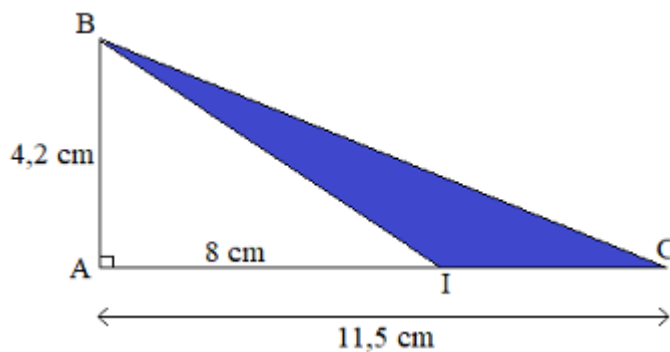
b) $x \times 6,2 + x \times 3,8 = 201,7$

.....

.....

.....

Câu 3. Tính diện tích phần tô đậm của hình bên.



Câu 4. Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300 m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50 m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng trung bình cứ 10 m^2 thu hoạch được 30kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hỗn số $2\frac{17}{1000}$ chuyển thành số thập phân là:

- A. 20, 17 B. 2,17 C. 2,170 D. 2,017

Phương pháp

Áp dụng cách viết $\frac{1}{1000} = 0,001$

Lời giải

Hỗn số $2\frac{17}{1000}$ chuyển thành số thập phân là: 2,017

Chọn D

Câu 2. Kết quả của biểu thức $1\frac{1}{2} + 1\frac{1}{3}$ là:

- A. $\frac{7}{5}$ B. $\frac{17}{6}$ C. $\frac{4}{3}$ D. $\frac{3}{2}$

Phương pháp

Chuyển hỗn số về phân số rồi tính giá trị biểu thức.

Lời giải

$$1\frac{1}{2} + 1\frac{1}{3} = \frac{3}{2} + \frac{4}{3} = \frac{9}{6} + \frac{8}{6} = \frac{17}{6}$$

Chọn B

Câu 3. Lớp 5A có 12 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Tỷ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh nam là:

- A. 40% B. 75% C. 60% D. 35%

Phương pháp

Muốn tìm tỷ số phần trăm của 2 số, ta tìm thương hai số đó rồi nhân kết quả tìm được với 100.

Lời giải

Tỷ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh nam là:

$$12 : 16 = 0,75 = 75\%$$

Chọn B

Câu 4. Với $a = 0,01$ thì $20,18 : a = ?$

- A. 2,018 B. 2018 C. 0,2018 D. 201,8

Phương pháp

Muốn chia một số thập phân cho 0,01 ta dịch dấu phẩy sang bên phải 2 chữ số 0.

Lời giải

Với $a = 0,01$ thì $20,18 : 0,01 = 2018$

Chọn B

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $5,6\dots1 > 5,689$ là:

A. 9 B. 7 C. 1 D. 0

Phương pháp

Dựa vào cách so sánh số thập phân để chọn đáp án thích hợp

Lời giải

Ta có $5,691 > 5,689$

Chọn A

Câu 6. Mua 4 m vải phải trả 320 000 đồng. Hỏi mua 6,8 m vải cùng loại phải trả nhiều hơn bao nhiêu tiền?

A. 80 000 đồng B. 224 000 đồng C. 544 000 đồng D. 2 176 000 đồng

Phương pháp

- Tìm giá tiền của 1 m vải = Giá tiền của 4 mét vải : 4
- Tìm giá tiền khi mua 6,8 m vải
- Tìm số tiền phải trả nhiều hơn

Lời giải

Giá tiền của 1 m vải là: $320\ 000 : 4 = 80\ 000$ (đồng)

Giá tiền của 6,8 m vải là: $80\ 000 \times 6,8 = 544\ 000$ (đồng)

Mua 6,8 m vải cùng loại phải trả nhiều hơn số tiền là: $544\ 000 - 320\ 000 = 224\ 000$ (đồng)

Chọn B**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $1,95\text{ ha} = \dots\dots\dots\text{ m}^2$

b) $5\text{ tấn } 6\text{ kg} = \dots\dots\dots\text{ tấn}$

c) $102\text{m}^2\ 4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{ m}^2$

d) $231\text{ ha} = \dots\dots\dots\text{ km}^2$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$1\text{ ha} = 10\ 000\text{ m}^2$; $1\text{ kg} = 0,001\text{ tấn}$

$1\text{ dm}^2 = 0,01\text{ m}^2$; $1\text{ ha} = 0,01\text{ km}^2$

Lời giải

a) $1,95 \text{ ha} = 19\,500 \text{ m}^2$

b) $5 \text{ tấn } 6 \text{ kg} = 5,006 \text{ tấn}$

c) $102\text{m}^2 \text{ } 4\text{dm}^2 = 102,04 \text{ m}^2$

d) $231 \text{ ha} = 2,31 \text{ km}^2$

Câu 2. Tìm x biết:

a) $0,25 \times x = 12,65 - 3\frac{1}{4}$

b) $x \times 6,2 + x \times 3,8 = 201,7$

Phương pháp

- Tính giá trị vế phải

- Muốn tìm thừa số chưa biết, ta lấy tích chia cho thừa số kia

Lời giải

a) $0,25 \times x = 12,65 - 3\frac{1}{4}$

$$0,25 \times x = 12,65 - 3,25$$

$$0,25 \times x = 9,4$$

$$x = 9,4 : 0,25$$

$$x = 37,6$$

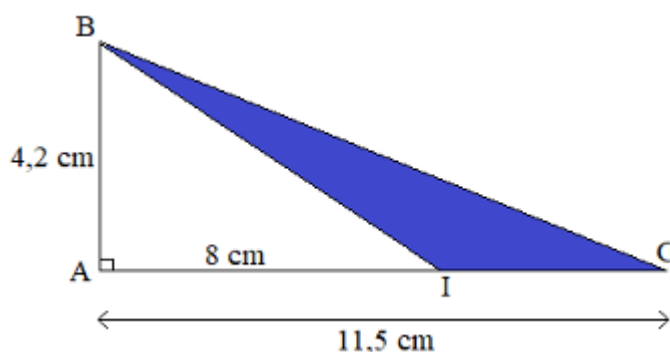
b) $x \times 6,2 + x \times 3,8 = 201,7$

$$x \times (6,2 + 3,8) = 201,7$$

$$x \times 10 = 201,7$$

$$x = 201,7 : 10$$

$$x = 20,17$$

Câu 3. Tính diện tích phần tô đậm của hình bên.**Phương pháp**

- Độ dài đáy IC

- Diện tích tam giác = Độ dài đáy x chiều cao : 2

Lời giải

Độ dài đáy IC là:

$$11,5 - 8 = 3,5 \text{ (cm)}$$

Diện tích tam giác BIC là:

$$3,5 \times 4,2 : 2 = 7,35 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: $7,35 \text{ cm}^2$

Câu 4. Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300 m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50 m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng trung bình cứ 10 m^2 thu hoạch được 30kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Phương pháp

a)

- Tìm nửa chu vi

- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu

- Diện tích thửa ruộng = chiều dài x chiều rộng

b) Số kg thóc = Diện tích : 10×50

Lời giải

a) Nửa chu vi của thửa ruộng đó là:

$$300 : 2 = 150 \text{ (m)}$$

Chiều dài thửa ruộng là:

$$(150 + 50) : 2 = 100 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng là:

$$150 - 100 = 50 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng là:

$$100 \times 50 = 5000 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Thửa ruộng thu hoạch được số kg thóc là:

$$5000 : 10 \times 30 = 15000 \text{ (kg)}$$

$$\text{Đổi: } 15000 \text{ kg} = 150 \text{ tạ}$$

Đáp số: a) 5000 m^2

b) 150 tạ thóc